

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-ST

Ngày: 30-3-2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đô

Ông Nguyễn Văn Bào

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

-Đại diện VKSND nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh: Bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 473/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-DS ngày 25/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐXXST-DS ngày 20/3/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

***Bị đơn:** Bà Ngô Thị M, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

Do ông Hoàng Văn T1 đại diện theo ủy quyền (có mặt)

- Ông Phùng Văn T3, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2025, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 trình bày: Do có mối quan hệ quen biết

với nhau, nên ngày 24/6/2019 âm lịch vợ chồng ông có cho bà Ngô Thị M vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 08/7/2019 âm lịch bà Ngô Thị M vay thêm 10.000.000 đồng; ngày 29/10/2019 âm lịch bà Ngô Thị M vay thêm số tiền 25.000.000 đồng. Tổng số tiền bà M vay là 55.000.000 đồng. Khi vay thì hai bên có viết giấy vay tiền. Ông xác định chữ viết và chữ ký “Ngô Thị M” tại các mã vay tiền đề ngày 24/6/2019 âm lịch; ngày 08/7/2019 âm lịch; ngày 29/10/2019 âm lịch là do bà Ngô Thị M viết và ký. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 10%/năm, kể từ ngày vay đến nay bà M chưa trả được được số tiền gốc và lãi nào. Ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông và là nợ riêng của bà Ngô Thị M và đề nghị Tòa án không đưa chồng bà M là ông Phùng Văn T3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nay ông khởi kiện buộc bà Ngô Thị M phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc: 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 29/10/2019 âm lịch (tức 25/11/2019 dương lịch) cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông T1 có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

*Bị đơn bà Ngô Thị M trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với nhau, nên ngày 24/6/2019 âm lịch vợ chồng ông T1 có cho bà vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 08/7/2019 âm lịch bà vay thêm 10.000.000 đồng; ngày 29/10/2019 âm lịch bà vay thêm số tiền 25.000.000 đồng. Tổng số tiền bà M vay là 55.000.000 đồng. Khi vay thì hai bên có viết giấy vay tiền. Bà xác định chữ viết và chữ ký “Ngô Thị M” tại các mã vay tiền đề ngày 24/6/2019 âm lịch; ngày 08/7/2019 âm lịch; ngày 29/10/2019 âm lịch là do bà viết và ký. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Kể từ ngày vay đến nay bà M xác định đã trả tổng số tiền 50.000.000 đồng vào năm 2020, còn số tiền 5.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận ông T1 cho bà và miễn lãi 1 năm. Việc trả số tiền trên thì do tin tưởng nên bà không viết giấy tờ gì cho việc chứng minh bà đã trả số tiền trên. Bà xác định số tiền vay trên dùng vào mục đích cá nhân, chồng bà là ông Phùng Văn T3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh không biết số tiền trên, bà đề nghị Tòa án không đưa ông Phùng Văn T3 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nay ông T1 khởi kiện buộc bà phải trả cho vợ chồng ông T1 số tiền gốc: 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 10%/năm thì bà không đồng ý trả vì bà xác định đã trả xong số tiền trên.

Tại phiên tòa bà Ngô Thị M vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T2 (vợ ông T1) trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của ông T1. Vì lý do công việc nên bà ủy quyền cho ông Hoàng Văn T1 là chồng bà tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án. Mọi quyết định của ông Hoàng Văn T1 là quyết định của bà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn T3 trình bày: Việc vay mượn giữa bà M và ông T1 cụ thể như thế nào thì ông không được biết. Ông xác định đây là nợ riêng của bà M và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng, ông xin được vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 -Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T1.

Buộc bà Ngô Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn T1 và bà Ngô Thị T2 số tiền gốc là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 34.833.332 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 89.833.332 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: bà Ngô Thị M phải chịu 4.491.667 đồng.

Ông Hoàng Văn T1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Hoàng Văn T1 khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị M trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn xã X, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T1 khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Ngô Thị M trả số tiền gốc 55.000.000 đồng và lãi thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều xác định bà Ngô Thị M có vay của ông Hoàng Văn T1 tổng số tiền 55.000.000 đồng (ngày 24/6/2019 âm lịch bà Ngô Thị M vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 08/7/2019 âm lịch bà Ngô Thị M vay 10.000.000 đồng; ngày 29/10/2019 âm lịch bà Ngô Thị M vay số tiền 25.000.000 đồng). Khi vay có viết giấy, có thỏa thuận lãi bằng miệng, mục đích vay cá nhân. Ông Hoàng Văn T1 xác định bà Ngô Thị M chưa trả được số tiền gốc và lãi nào. Còn bà Ngô Thị M thì xác định đã trả xong số tiền 50.000.000 đồng vào năm 2020, còn số tiền 5 triệu đồng thì hai bên thỏa thuận xóa nợ và số tiền lãi. Tuy nhiên, bà Ngô Thị M không cung cấp được giấy tờ

chứng minh cho việc bà đã trả số tiền trên, do vậy không có căn cứ chấp nhận. Nay ông Hoàng Văn T1 khởi kiện cá nhân bà Ngô Thị M trả số tiền gốc 55.000.000 đồng, và lãi là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông Hoàng Văn T1 xác định là nợ riêng của bà Ngô Thị M và là tài sản chung của vợ chồng ông T1. Bà M cũng xác định là nợ riêng của cá nhân bà. Qua làm việc với ông Phùng Văn T3 (chồng bà M) cũng không biết việc vay mượn giữa bà M với ông T1 cụ thể như thế nào, không thông báo cho ông biết, vợ chồng ông đã ly thân khoảng năm 2019 -2020. Do vậy, buộc cá nhân bà Ngô Thị M phải trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn T1 và bà Ngô Thị T2 là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, khi vay hai bên đều xác định có lãi thỏa thuận bằng miệng, phía ông Hoàng Văn T1 trình bày lãi 10%/năm, còn phía bị đơn bà Ngô Thị M trình bày lãi ngày, không ghi vào giấy vay. Xét thấy, mức lãi ông Hoàng Văn T1 yêu cầu 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi từ ngày 29/10/2019 âm lịch (tức 25/11/2019 dương lịch) của số tiền 55.000.000 đồng là 6 năm 4 tháng 05 ngày, nhưng ông T1 chỉ yêu cầu tính lãi 6 năm 4 tháng tổng là 34.833.332 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T1 được chấp nhận nên bà Ngô Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Hoàng Văn T1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 5-Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T1.

Buộc bà Ngô Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn T1 và bà Ngô Thị T2 số tiền gốc là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và số tiền là 34.833.332 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 89.833.332 đồng (T4 chín triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: bà Ngô Thị M phải chịu 4.491.667 đồng (Bốn triệu, bốn trăm chín một nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng)

Hoàn trả ông Hoàng Văn T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.378.750 đồng (Hai triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai số 0003702 ngày 19/11/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

